



xìng shēng huó

性生活

noun · sexual life

Example Sentences

jiàn kāng de xìng shēng huó duì fū qī guān xì hěn zhòng yào
健康的性生活对夫妻关系很重要。

A healthy sexual life is important for marital relationships.

tā men cóng bù tán lùn zì jǐ de xìng shēng huó
他们从不谈论自己的性生活。

They never talk about their own sexual life.

Trace each character, then write the word on your own.

性	性	性	性	性	性	性	性	性	性	性
生	生	生	生	生	生	生	生			
活	活	活	活	活	活	活	活	活	活	活
活										